

UBND XÃ THANH NÚA
TRƯỜNG MẦM NON THANH CHÂN

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 11 NĂM 2025

Long TT: 2.340.000d

STT	Họ và tên	Mức 6000					Mức 6100										Số thuế thu nhập cá nhân			
		Hệ số	Số tiền	Chức vụ	Số tiền	Khu vực + PC	Phụ cấp khác + độc hại	Thâm niên	Số tiền	Biên giới 30%	Ưu đãi 50%	Hệ số VK	Tổng lương	Số tiền	Số thuế thu nhập cá nhân					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	#	20	21	22	23
1	Phan Thị Hoa	4,32	10.108.800	0,50	1.170.000	1.170.000		22%	2.481.336	3.383.640	5.639.400			-	23.953.176		1.061.424	122.850	260.540	22.508.362
2	Ng. Thị Thanh Trà	4,32	10.108.800	0,35	819.000	1.170.000		20%	2.185.560	3.278.340	5.463.900				23.025.600		1.061.424	85.995	229.484	21.648.697
3	Là Thị Anh Thư	3,65	8.541.000	0,35	819.000	1.170.000		18%	1.684.800	2.808.000	4.680.000				19.702.800		896.805	85.995	176.904	18.543.096
4	Dỗ Thị Mai	4,98	11.653.200			1.170.000		24%	2.796.768	3.495.960	5.826.600				24.942.528		1.223.586	-	293.661	23.425.281
5	Bùi Thị Hoa	4,65	10.881.000			1.170.000		25%	2.720.250	3.264.300	5.440.500				23.476.050		1.142.505	-	285.626	22.047.919
6	Đào Thị Xuân	4,98	11.653.200			1.170.000		25%	2.913.300	3.495.960	5.826.600			-	25.059.060		1.223.586	-	305.897	23.529.578
7	Tần Thị Thủy	4,65	10.881.000	0,20	468.000	1.170.000		20%	2.269.800	3.404.700	5.674.500			-	23.868.000		1.142.505	49.140	238.329	22.438.026
8	Nguyễn Thị Hương	4,27	9.991.800			1.170.000		22%	2.198.196	2.997.540	4.995.900			-	21.353.436		1.049.139	-	230.811	20.073.486
9	Mào Thị Thơ	3,96						19%							-		-	-	-	-
10	Là Thị Nhân	4,32	10.108.800			1.170.000		17%	1.718.496	3.032.640	5.054.400				21.084.336		1.061.424	-	180.442	19.842.470
11	Đinh Thị Hào	4,32	10.108.800			1.170.000		17%	1.718.496	3.032.640	5.054.400				21.084.336		1.061.424	-	180.442	19.842.470
12	Là Thị Cương	3,96	9.266.400			1.170.000		18%	1.667.952	2.779.920	4.633.200				19.517.472		972.972	-	175.135	18.369.365
13	Quảng Thị Phúc	3,65	8.541.000	0,15	351.000	1.170.000		18%	1.600.560	2.667.600	4.446.000				18.776.160		896.805	36.855	168.059	17.674.441
14	Vì Thị Xuân	3,65	8.541.000			1.170.000		18%	1.537.380	2.562.300	4.270.500				18.081.180		896.805	-	161.425	17.022.950
15	Quảng Thị Nga	3,65	8.541.000			1.170.000		21%	1.793.610	2.562.300	4.270.500				18.337.410		896.805	-	188.329	17.252.276
16	Nguyễn Ngọc Hà	3,99	9.336.600			1.170.000		18%	1.680.588	2.800.980	4.668.300				19.656.468		980.343	-	176.462	18.499.663
17	Nguyễn Thị Oanh	3,65	8.541.000	0,20	468.000	1.170.000		17%	1.531.530	2.702.700	4.504.500				18.917.730		896.805	49.140	160.811	17.810.974
18	Là Thị Pành	3,65	8.541.000			1.170.000		18%	1.537.380	2.562.300	4.270.500				18.081.180		896.805	-	161.425	17.022.950
19	Hà Thị Nhân	3,99	9.336.600			1.170.000		19%	1.773.954	2.800.980	4.668.300				19.749.834		980.343	-	186.265	18.583.226
20	Là Thị Tiên	3,65	8.541.000			1.170.000		18%	1.537.380	2.562.300	4.270.500				18.081.180		896.805	-	161.425	17.022.950
21	Là Thị Xuyên	3,65	8.541.000			1.170.000		18%	1.537.380	2.562.300	4.270.500				18.081.180		896.805	-	161.425	17.022.950
22	Là Thị La	3,66	8.564.400					17%	1.455.948	2.569.320	4.282.200				18.041.868		899.262	-	152.875	16.989.731

23	Lương Thị Loan	3,34	7.815.600		-	1.170.000			14%	1.094.184	2.344.680	3.907.800		16.332.264		820.638	-	114.889	15.396.737
24	Nguyễn Thị Nga	3,03	7.090.200		-	1.170.000			12%	850.824	2.127.060	3.545.100		14.783.184		744.471	-	89.337	13.949.376
25	Trần Thị Hồng Nhung	3,65	8.541.000		-	1.170.000			15%	1.281.150	2.562.300	4.270.500		17.824.950		896.805	-	134.521	16.793.624
26	Phạm Thị Hải	3,34	7.815.600	0,15	351.000	1.170.000			11%	898.326	2.449.980	4.083.300		16.768.206		820.638	36.855	94.324	15.816.389
27	Lò Thị Thắm	3,34	7.815.600		-	1.170.000			12%	937.872	2.344.680	3.907.800		16.175.952		820.638	-	98.477	15.256.837
28	Nguyễn Thị Thuý	2,66	6.224.400	0,20	468.000	1.170.000					2.007.720			9.870.120		653.562	49.140	-	9.167.418
29	Đào Thị Hoa	4,32	10.108.800		-	1.170.000	0,1	234.000			3.032.640			14.545.440		1.061.424	-	-	13.484.016
30	Nguyễn Văn Hoàn	3,26	7.628.400			1.670.000	0,1	234.000			2.288.520	3.051.360		14.872.280		800.982	-	-	14.071.298
	Cộng	116,51	263.367.000	2,10	4.914.000	34.430.000	0,2	468.000	493%	45.403.020	80.484.300	124.977.060	0%	-	554.043.380	27.653.535	515.970	4.767.317	521.106.558
31	Lò Văn Phương		3.450.000							-				3.450.000		362.250			3.087.750
	Cộng		3.450.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.450.000		362.250	-	-	3.087.750
	Tổng cộng	116,51	266.817.000	2,10	4.914.000	34.430.000	0,2	468.000	493%	45.403.020	80.484.300	124.977.060	0%	-	557.493.380	28.015.785	515.970	4.767.317	524.194.308

KÊ TOÁN



Đào Thị Hoa

